#### **1. Tổng Quan Về Trường Đại Học Nha Trang (NTU)**

* **Lịch sử hình thành**: Trường Đại học Nha Trang được thành lập năm 1959 với tên gọi ban đầu là Trường Thủy sản Nha Trang, sau nâng cấp thành Đại học Thủy sản (1995) và Đại học Nha Trang (2005). Đến nay, trường là một trong những đại học hàng đầu miền Trung về lĩnh vực thủy sản, kinh tế biển, công nghệ, và du lịch. Năm 2025, trường có hơn 20.000 sinh viên, với cơ sở chính tại Nha Trang, Khánh Hòa.
* **Cơ cấu tổ chức**: Trường có 12 khoa (ví dụ: Khoa Kinh tế, Khoa Công nghệ Thông tin, Khoa Thủy sản), các viện nghiên cứu, và Ban Tuyển sinh trực thuộc Hội đồng Tuyển sinh do Hiệu trưởng lãnh đạo. Bộ phận tuyển sinh phối hợp với Bộ GD&ĐT, sử dụng hệ thống quốc gia cho lọc ảo và đăng ký nguyện vọng.
* **Chức năng và nhiệm vụ liên quan đến tuyển sinh**: NTU chịu trách nhiệm công bố chỉ tiêu, phương thức xét tuyển, xử lý hồ sơ, công bố điểm chuẩn, và hỗ trợ nhập học. Năm 2025, trường tuyển 3.800 chỉ tiêu cho hệ chính quy, tập trung vào các ngành kinh tế biển, công nghệ thực phẩm, và du lịch bền vững.
* **Môi trường và chiến lược**: Trường hướng đến số hóa toàn diện, nhưng tuyển sinh vẫn phụ thuộc hệ thống Bộ GD&ĐT. Chiến lược 2025 nhấn mạnh minh bạch, đa dạng phương thức, và hỗ trợ thí sinh vùng sâu vùng xa.

#### **2. Nội Dung Khảo Sát Hiện Trạng**

Dựa trên quy chế tuyển sinh 2025 (công bố tháng 4/2025), hệ thống hiện tại kết hợp trực tuyến và thủ công, với các nội dung chính sau:

* **Mục tiêu hoạt động, chiến lược, và công việc**: Mục tiêu là tuyển sinh công bằng, minh bạch, đạt 3.800 chỉ tiêu. Chiến lược: Sử dụng 3 phương thức xét tuyển (điểm thi THPT, học bạ kết hợp đánh giá năng lực, và xét tuyển thẳng). Công việc bao gồm công bố thông tin (tháng 2-4), đăng ký nguyện vọng (tháng 3-8), lọc ảo và xét tuyển (tháng 8-9), công bố điểm chuẩn (22/08/2025), nhập học (tháng 8-10), và bổ sung nếu cần (tháng 9-11).
* **Thông tin về nguồn dữ liệu (nội bộ và ngoại bộ)**:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Loại dữ liệu** | **Nguồn** | **Nội dung** | **Dung lượng ước tính** |
| Hồ sơ thí sinh (nội bộ) | Cổng tuyensinh.ntu.edu.vn | Họ tên, ngày sinh, CMND/CCCD, điểm học bạ 6 kỳ, số báo danh THPT, chứng chỉ ngoại ngữ. | ~15.000-20.000 hồ sơ/năm; ~2MB/hồ sơ (bao gồm scan). |
| Điểm số và ưu tiên (ngoại bộ) | Hệ thống Bộ GD&ĐT | Kết quả thi THPT, điểm ưu tiên khu vực/chính sách, chuyển đổi chứng chỉ. | Hàng triệu dữ liệu quốc gia; NTU xử lý ~25.000 nguyện vọng. |
| Báo cáo và chỉ tiêu | Tài liệu nội bộ | Biểu mẫu đăng ký, chỉ tiêu ngành (Appendix I), lịch trình (Appendix IV). | 60-80 chương trình; PDF ~5MB. |
| Ràng buộc và sự kiện | Quy định pháp lý | Ngưỡng chất lượng, gia hạn nộp do thiên tai (tối đa 30 ngày), giới hạn nguyện vọng từ 2026. | Áp dụng toàn hệ thống; kích hoạt sự kiện (e.g., phổ điểm 2025 ổn định, không "sốc"). |

* **Xử lý dữ liệu (khi nào, như thế nào, bởi ai):**

|  |  |
| --- | --- |
| **Thuộc tính** | **Chi tiết** |
| Khi nào | Lập kế hoạch: Tháng 1-2; Đăng ký: Tháng 3-8; Xét tuyển: Tháng 8-9 (điểm chuẩn công bố 22/08/2025); Nhập học: Tháng 8-10. |
| Như thế nào/Bởi ai | Trực tuyến qua tuyensinh.ntu.edu.vn và cổng Bộ (thí sinh tự đăng ký, cán bộ NTU xác minh); Thủ công cho giấy tờ nếu lỗi; Lọc ảo tự động bởi hệ thống Bộ. |
| Tần suất | Hàng năm, 1-2 đợt bổ sung; Cập nhật realtime (tra cứu kết quả). |
| Khối lượng | ~25.000 nguyện vọng; Xử lý ~4.000 hồ sơ trúng tuyển. |
| Độ phức tạp | Cao: Tính ưu tiên, chuyển đổi điểm, lọc ảo theo nguyện vọng; Phụ thuộc dữ liệu Bộ. |
| Độ chính xác | Cao với online, nhưng lỗi kỹ thuật (kéo dài lọc ảo) dẫn đến sai sót; Yêu cầu xác nhận thủ công. |
| Thứ tự/Phụ thuộc | 1. Đăng ký tài khoản → 2. Nhập dữ liệu → 3. Chọn nguyện vọng → 4. Nộp phí (QR/online) → 5. Xét tuyển → 6. Công bố điểm chuẩn → 7. Xác nhận nhập học. Phụ thuộc phổ điểm THPT 2025 (trung bình ổn định). |

* **Chính sách, hướng dẫn, thị trường và môi trường**: Tuân thủ Quy chế Bộ GD&ĐT; Không xét sớm từ 2025; Minh bạch qua công bố điểm chuẩn (20-27 điểm cho tổ hợp Toán hệ số 1); Hỗ trợ khiếu nại trong 15 ngày. Thị trường: Tăng nguyện vọng, cạnh tranh cao với các trường miền Trung; Môi trường: Tích hợp đánh giá năng lực để giảm phụ thuộc điểm thi.
* **Phương tiện và tài nguyên**: Phần mềm: Cổng tuyensinh.ntu.edu.vn tích hợp API Bộ GD&ĐT; Phần cứng: Server dữ liệu lớn; Thiết bị: Máy scan, mobile cho nộp phí.
* **Trình độ chuyên môn**: Thí sinh: Cao (80% quen online); Cán bộ: Cao, với đào tạo về hệ thống Bộ.
* **Đánh giá, phàn nàn và đề xuất**: Hệ thống ổn định, phổ điểm 2025 không biến động lớn. Phàn nàn: Lọc ảo kéo dài, lạm phát điểm chuẩn một số ngành; Thiếu tích hợp AI cho dự đoán; Thí sinh lo "chỉ đỗ 1 nguyện vọng". Đề xuất: Tự động hóa xác minh, dashboard realtime, khảo sát user sau đợt.

#### **3. Đối Tượng Khảo Sát**

* **Người dùng**: Thí sinh/phụ huynh (đăng ký, tra cứu); Cán bộ tuyển sinh (xử lý dữ liệu); Lãnh đạo NTU (quyết định chỉ tiêu).
* **Tài liệu**: Quy chế PDF 2025, biểu mẫu, báo cáo chỉ tiêu.
* **Chương trình máy tính**: Cổng tuyensinh.ntu.edu.vn, hệ thống Bộ GD&ĐT.
* **Thông tin**: Điểm THPT, điểm chuẩn (18.87-27 điểm năm 2025).

#### **4. Các Bước Thực Hiện Khảo Sát**

* **Bước 1: Dự trù nhu cầu và giới hạn**: Hiểu hệ thống cũ (phụ thuộc Bộ, kết hợp online/thủ công); Bổ sung: Tích hợp AI lọc nhanh, hỗ trợ mobile. Danh sách: Phỏng vấn 100 thí sinh/cán bộ; Thu thập biểu mẫu 2025; Mục tiêu: Giảm thời gian xử lý 40%. Nguồn: Nội bộ (website NTU), ngoại bộ (báo chí, Bộ GD&ĐT).
* **Bước 2: Lập kế hoạch và thực hiện**: Thu thập qua phỏng vấn (cán bộ), bảng câu hỏi (thí sinh), nghiên cứu quy chế; Hệ thống hóa dữ liệu bằng Excel/Access; Đặc tả yêu cầu: Hệ thống mới hỗ trợ đa ngôn ngữ, bảo mật dữ liệu.

#### **5. Các Phương Pháp Xác Định Yêu Cầu**

* **Truyền thống**: Phỏng vấn nhóm Hội đồng Tuyển sinh về hạn chế lọc ảo; Bảng câu hỏi online (e.g., "Bạn gặp vấn đề gì khi đăng ký 2025?"); Quan sát quy trình tại văn phòng NTU; Nghiên cứu tài liệu (quy chế 2025).
* **Hiện đại**: JAD với thí sinh/cán bộ để thiết kế prototype; Prototype dashboard tra cứu điểm chuẩn realtime, test với 100 user.